



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUÛ TIEN
Last Middle First

Current Address: 95/27 Huỳnh Văn Bánh P.17-Q. Phú Nhuận TP HCM.

Date of Birth: 05/18/48 Place of Birth: Phan Thiết

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/13/75 To 06/14/85
Years: 10 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Nguyễn Thị Hiền
Name

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONS FOR ODN APPLICANT
(Câu hỏi cho người nộp đơn)

Card
Mẫu D / 6-28-86
ODP

A. Basic Identification Data.
Lý lịch căn bản.

Name:

Họ/Tên:

NGUYỄN² - HUU¹ - TIEN¹

Other names:

Họ/Tên khác:

Date/Place of Birth:

Ngày/Nơi sinh:

18-5-1941 tại Phan Thiết tỉnh Bình Thuận

Resident Address:

Địa chỉ thường trú:

95/27 đường Huỳnh Văn Bánh (Nguyễn Huệ cũ)

Mailing Address:

Phường 17 quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thư từ:

- at -

Current Occupation:

Nghề nghiệp:

B. Relatives To Accompany Ho.

Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follow: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

Chú ý: Vợ/Chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng trạng gia đình như sau: đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name	: Date of Birth	: Place of Birth	: Sex	: MS	: Relationship
Họ/Tên	: Ngày sinh	: Nơi sinh	: Giới	: Phái	: Quan hệ

Phạm Thị Phụng	19-6-1941	Tỉnh Gia Định	Nữ		Vợ
Nguyễn Hữu Quang (S)	5-1-1971	Tỉnh Bình Thuận	Nam		Con (độc thân)
Nguyễn Hữu Hiệp (S)	2-10-1974	Tỉnh Bình Thuận	Nam		Con (độc thân)

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of Birth Certificates, Marriage Certificates, Divorce Decrees, spouse death certificates, identification cards and photos. If any of these above accompanying relatives do not live with you, please note their address in Section I below.

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản Khai sinh, Giấy thú, giấy Ly hôn (nếu đã ly dị), giấy Khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung

ngay với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam.

Họ hàng ở ngoại quốc.

1. Closest relative in the U.S:

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ:

Name:

Họ/Tên: Nguyễn Thị Hiền (em gái) và Nguyễn Thị Trung (em gái)

Relationship:

Liên hệ gia đình: Em gái

Address:

Địa chỉ:

2. Closest relative in other country:

Bà con thân thuộc nhất ở nước khác:

Name:

Họ/Tên:

Relationship:

Liên hệ gia đình:

Address:

Địa chỉ:

D. Complete Family Listing (Living/Death).

Danh sách toàn thể gia đình (Sống/Chết).

Name (Họ tên)

Address (Địa chỉ)

Father:

Cha: Nguyễn Hữu Nguyễn (chết)

Mother:

Mẹ: Nguyễn Thị Thu số 24 Bùn Bà Triệu Phan Thiết

Spouse:

Vợ/Chồng: Phạm Thị - Phạm số 95/27 đường Huỳnh Văn Bánh

Former Spouse (if any):

Vợ/Chồng trước (nếu có): phường 17, Quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh

Children:

Con cái:

Nguyễn Hữu Quang } số 95/27 đường Huỳnh Văn Bánh
Nguyễn Hữu Hiệp } phường 17 quận Phú Nhuận thành phố
Hồ Chí Minh

Siblings:

Anh chị em:

Nguyễn Thị Xuân (chị gái) số 24 Bùn Bà Triệu Phan Thiết
Nguyễn Thị Hiền (em gái) }
Nguyễn Thị Trung (em gái) }

... Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. Organizations of you.
Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ, hãng Mỹ.

Name: of person employed:

Họ tên nhân viên:

Date: From:

To:

Ngày/tháng/năm: Từ:

Title of (last) position held:

Chức vụ công việc:

Agency/Company/Office:

Sở/Hãng/Văn phòng:

Name of (last) Supervisor:

Tên họ người Giám thị:

Reason for leaving:

Lý do ra đi:

Training for job in Vietnam:

Nghề nghiệp huấn luyện tại Vietnam:

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse:

Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Vietnam.

Name of person serving:

Họ tên người tham gia:

NGUYỄN-HUU-TIẾN

Date:

Ngày/tháng/năm: Từ

tháng 9-1962

Đến:

30-4-1975

Last rank:

Cấp bậc cuối cùng:

Thiếu Tá

Ministry/Office/Military Unit:

Bộ/Sở/Binh chủng/Đơn vị:

Điều độ an ninh Tiền đoàn 2/229 địa phương Quân

Name of Supervisor/CO:

Tiền Khai Bình Thuận

Họ tên người Giám thị/Sĩ quan chỉ huy:

Tại tá Ngô Văn Nghĩa và Đại tá Lại Văn Khuyết

Reason for leaving:

Lý do ra đi:

Sĩ quan chỉ huy Sài Gòn cũ, vừa cải tạo trở về

Names of American Advisor (s):

Họ tên Cố vấn Mỹ:

U.S. Training course in Vietnam:

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Vietnam:

U.S. Awards or Certificates:

Giấy ban khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp: Huy chương đồng do Hoa Kỳ cấp 1970

Note: Please attach any copies of Diplomas, Awards, or Certificates if available.

Chú ý: Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, giấy ban khen hoặc Chứng thư nếu có.

G. Training Outside Vietnam of you or your spouse.

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện tại ngoại quốc.

Name of student, trainee:

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện:

NGUYỄN-HUU-TIẾN

School and school address:

Trường và địa chỉ nhà trường: Tam giác ruộng rẫy tại Hòa Lai

Date:

ngày/tháng/năm: Từ 1968 tới Sau Luật lệ (quân đội)

Description of course:

Mã tài năng học: Chương trình kích - kỹ thuật

Who paid for training:

At what school/program training: M. A. V.

Note: Please attach copies of Diplomas, Orders, if available.

Chú ý: Xin bạn kèm theo Văn bằng, Chỉ thị nếu có.

B. Re-education of you or your spouse.

Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

Name of person in reeducation:

Họ tên người đi học tập cải tạo: NGUYỄN - HUY - TIẾN

Total time in reeducation: _____ years _____ months _____ days

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo: Mười năm 1 tháng hai ngày

Still in reeducation: Yes ☐ No ☒

Vẫn còn học tập cải tạo: Có ☐ Không ☒

-If released, we must have a copy of your release certificate.

-Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.

I. Any additional remark?

Cước chủ phụ thuộc.

Signature

Ký tên

Date

ngày

29-1-1986

J. Please list here all documents attached to this questionnaire.

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với sơ câu hỏi này.

AD HOC COMMITTEE FOR VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

Ủy Ban Đặc Nhiệm Tù Nhân Chính Trị Việt Nam

Đã vào sổ 1/23/85

Date: 1-14-85
(Ngày)

POLITICAL PRISONER BIOGRAPHICAL DATA.

(Phiếu Tin Tức Về Tù Nhân Chính Trị)

This form is provided free of charge

(Phiếu này được cung cấp miễn phí)

A. General Biography

(Lý lịch tổng quát)

- Name: (Family name, middle, first) NGUYỄN HỮU TIẾN
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
- Sex: NAM
(Phái)
- Date of birth: NGÀY 18 THÁNG 05 NĂM 1941
(Ngày Sinh)
- Place of birth: PHƯỜNG PHÚ TRINH, XÃ CHAU THÀNH PHAN THIẾT - THUẬN HẢI
(Nơi sinh)
- Religion: PHẬT GIÁO
(Tôn giáo)
- Political party:
(Đảng phái)

B. Employment history before April 1975

(Quá trình nghề nghiệp trước 4/75)

- Occupation: QUÂN NHÂN Sr. No. 41/145324
(Nghề Nghiệp) (Số quân)
- Last position/Rank, Agency/Unit: THIỀU TÁ ĐỘI PHƯỜNG QUÂN - TIỂU ĐỘI AN TRƯỞNG
(Chức vụ/cấp bậc Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) TIỂU ĐỘI AN 2-29 TIỂU KHU BIÊN THUẬN (THUẬN HẢI)
- Name of Commander or Supervisor: ĐẠI TÁ NGÔ VĂN NGHIA
(Tên vị chỉ huy cơ quan/đơn vị trưởng)

C. Education

(Học Vấn)

- VietNam/Degree: KHOA SĨ QUAN TRÚ BỊ - THỦ ĐỨC - HỒ CHÍ MINH, 14. BẮT ĐẦU 9-1963 ĐẾN 6-1967
(Bằng cấp tại Việt Nam) TỐI NGHIỆP KHOA 4/54 BỘ BINH CAU CÁP
- Foreign Countries/Degree: KHOA 45 QUANG DUY SINH LẠY
(Bằng cấp tại Ngoại quốc)
- Location and length of time: M. H. LAI - 1968
(Địa điểm và thời gian theo học)

D. Arrest

(Giám giữ)

- Date and place of Arrest: THÁNG 06 - NGÀY 15 NĂM 1975 tại Saigon
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
- Name, location of prisons or reeducation camps: 25A-63 TD/NH - H. NAM NINH Đ. 2/C
(Tên địa điểm các trại giam) HIỆN 3 tại 230C-K2 - CÁN CỬ 6 H. NAM NINH Đ. 2/C
- Date of release: CHƯA ĐƯỢC TH. A. N. E.
(Ngày được thả)

E. Family Status

(Tình trạng gia cảnh)

1. Married or single :..... CÓ GIA ĐÌNH.....
(Có gia đình hoặc độc thân)
2. If married, Please complete names of Spouse and children :..... PHAN THỊ PHỤNG (VỢ).....
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
..... NGUYỄN HỮU QUANG (Con trai)
..... NGUYỄN HỮU HIỆP (Con trai)
3. Address of family :..... 95/27 NGUYỄN HUỠNH ĐỨC - QUẬN PHÚ NHUẬN.....
(Địa chỉ gia đình) (THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)

F. Applicant

(Người thiết lập tài liệu)

1. Name :..... NGUYỄN THỊ HIỀN.....
(Họ và tên)
2. Address and Phone number :..... Điện thoại (805) 4 96-68 64.....
(Địa chỉ và điện thoại)
3. Occupation :..... COSMETOLOGIST.....
(Nghề nghiệp)
4. Relationship with detainee :..... EM RUỘT.....
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
5. Status in USA : Permanent resident ☒ US citizen ☐
(Tình trạng cư trú)
6. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)? : Yes ☒ No ☐
(Ông/bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

G. Miscellaneous

(Linh tinh)

If possible, please attach photo of detainee (alone, with relatives or friends) or any available documents and latest information.

(Nếu có thể xin đính kèm tấm hình của tù nhân cải tạo hay bất cứ hình nào của đương sự với thân nhân hay bạn bè, hoặc các tài liệu và tin tức mới nhất.)

Hieu Nguyen
Signature of applicant
(Chữ ký của người thiết lập tài liệu)

Note :

(Cước chủ)

1. This information will be kept confidential
(Tài liệu này sẽ được giữ kín)
2. Please complete this form as much as possible
(Xin điền đơn này càng đầy đủ càng tốt)
3. Applicant is not required to be a relative.
(Người thiết lập tài liệu không nhất thiết phải là thân nhân.)
4. Please inform any change of address or information.
(Xin thông báo tiếp mọi thay đổi địa chỉ và tin tức.)

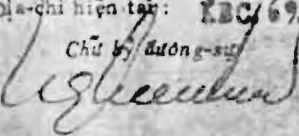
From: Hien NGUYEN

CA
FAM 55 231919B1 01/19/85

FAMILIES VN POL PRI
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635



TO: KHUC MINH THO
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
5555 COLUMBIA PIKE SUITE D
ARLINGTON - VA 22204

Hiệu lực đến	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
	TRÁI	Dấu tay ngón trỏ	Ngày sinh : 18-05-1941 Nơi sinh : Bình-Thị Cha : Ng. Văn - Nguyên Mẹ : Ng. Trú - Tâm Địa chỉ hiện tại : B.C. 69.8.2
	PHẢI		 Chữ ký đương sự 

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Hầm tạn

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số GRI

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định thả số 128 ngày 4 tháng 5 năm 85

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU TIẾN Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác

Nơi sinh Phan Thiết

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 95/27 Nguyễn Huỳnh Đức - Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh

Can tội Thiếu tá XLTV Tiểu đoàn trưởng ĐPQ.

Bị bắt ngày 13/06/75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 95/27 Nguyễn Huỳnh Đức - Phú Nhuận - T/P HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Tổ chức cải tạo tin tưởng vào đường lối giáo dục của cách mạng chưa có biểu hiện gì xấu

Lao động : Tham gia đủ ngày công năng suất chất lượng khá

Nội quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn

học tập : Tham gia học tập đều
quản chế 12 Tháng

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi cư trú

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19

Lần tay người trả phải

Của

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Hữu Tiến
Nguyễn Hữu Tiến



Ngày 14 tháng 6 năm 19 85

Giám thị

THIẾU TÁ: NGUYỄN ANH QUANG

Công an phường 17 L-PN
Khai nhân đ/s Hết về cơ Trữch diện
tiền quồng

Ngày 18-6-85



Chống mìn Lhas

Số: 2432
CHUNG HẠN GIỚI Y DẠY CHÍNH
Xuất trình tại UBND Phường 17
Ngày 7 tháng 1 năm 1985
UBND PHƯỜNG 17
CHỦ TỊCH



Chấn Hưng



Handwritten signature and text at the bottom of the document.

Kính thưa Bà

Gia đình chúng tôi chuyển thư này;
kính nhờ Bà giúp đỡ và can thiệp
cho chúng tôi -

Trân trọng.

Lưu giữ ngày 11-3-1986.

BỘ NỘI VỤ
Trại Hàm Tân
Số GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 965-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 128 ngày 4 tháng 5 năm 85

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU TIẾN Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác

Nơi sinh Phan Thiết

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 95/27 Nguyễn Huỳnh Đức - Thủ
nhuan - Thành phố Hồ Chí Minh

Can tội Thiếu tá XLTV Tiểu đoàn trưởng ĐPQ.

Bị bắt ngày 13/06/75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 95/27 Nguyễn Huỳnh Đức - Thủ nhuan - T/P HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Đã nhận t. cải tạo tin tưởng vào Đảng, lối giáo
duc của cách mạng chưa có biểu hiện gì xấu

Lao động : Tham gia đủ ngày công năng suất chất lượng khá

Nội quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn

học tập : Tham gia học tập đều
quản chế 12 Tháng

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi cư trú

Trước ngày tháng năm 19

Lần tay ngón trỏ phải

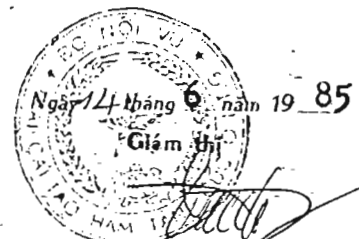
Của

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Hữu Tiến
Nguyễn Hữu Tiến



THIẾU TÁ: NGUYỄN ANH QUANG

Công an phường 17 L-PN

Xác nhận đ/c Hết về cơ quan điều
tra phường

Ngày 18-6-85

Chức vụ công an



Chức vụ

Không còn hiệu lực

Số: 24/85

CHUNG KHAM GIANG Y DAI CHINH

XUAT BINH TAI QUANG BANG 17.

Ngày 7 tháng 6 năm 1985

QUANG PHUONG 17.

Chủ tịch



Trần Văn Hùng

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ. QUỐC-PHÒNG

CHỨNG: CHỈ TÀI NGŨ

Số: 8.31937

Họ và Tên:

NGUYỄN VĂN TIẾN

Cấp bậc:

Thiếu tá

Số quân:

41/145.324

Đơn vị:

TRUNG ĐOÀN 2

Bình Thuận

KHOA 4

30-1-74

TRUNG TÂM

Handwritten signature

MẪU
31.10.74 QĐ.750 G/II

30 AN 1 VC

08.74.TTALAP.O.273

(Thay thế mẫu QĐ.750 F ngày 01.10.72)

Luan Bui

CLAIM NO.
0052

☐ HOLD

DATE
4-7

1ST NOTICE

2ND NOTICE

RETURN

Detached from
PS Form 3849-A
Oct. 1980

ARLINGTON
VA
7224635
METER

FOUNDED 1975

Hỏi tra?
tên tên
thứ
mày -

TO: Families of Vietnamese political prisoners Association
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635



FROM: Nguyễn Văn Tiến
95/27 Nguyễn Văn Bôn H
Quận Phú Nhuận TP HCM.

CLAIM CHECK
NO.

005255

☐ HOLD

DATE

4/2/86

1ST NOTICE

2ND NOTICE

RETURN

5-786

Detached from
PS Form 3849-A
Oct. 1980

**DAY
AVION**

R 47

**ĐÓNG
NHẬN**



P.O. Box 5435
Arlington VA 22205

TO: MRS. Nguyễn Minh Thi
5555 Columbia Pike Suite
ARLINGTON VA 2220 H
USA

AVION VIA AIR MAIL

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1).

Envoi recommandé

Ký gửi tại Bureau cục

déposé au bureau de poste

ngày

le

Địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

HCM
19 86 số 847
19 sous le no
Khu vực Thủ 555 Columbia Pike
Suite 2000 xA 22204 USA

Chỉ & Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le sousigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên
Bureau cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

BÍ CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký "được ủy quyền"
Nếu phát chậm ghi lý do như "Người nhận báo lần thứ 3 mới đến".

C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "DP"
____ ODP; Date _____
____ Membership; Letter

5/3

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: *Nguyễn Hữu Tiến*

- ☒ Card
- ☐ Thẻ bỏ túi, cảm ơn
- ☐ Giấy ra trại
- ☐ Cấp bằng, huy chương
- ☐ Hồ sơ đầy đủ (Thẻ đủ hồ sơ)
- ☒ Computer

- Các thủ khác :

- ☒ Mẫu D
 - ☐ ODP list
 - ☐ Labels
 - ☐ Folder
 - ☐ Hồ sơ cần xerox
 - ☒ Hồ sơ đã chuyển ODP
- ngày _____